

Bản án số: **08/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 15 - 02 - 2023.
V/v Tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Đoạt
- Bà Phạm Hồng Gái

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thanh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang không tham gia.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 453/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thị Chành Đ, sinh năm: 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã K, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh Danh S, sinh năm: 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã K, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị Chành Đ trình bày:

Năm 2015, chị và anh Danh S tìm hiểu yêu thương. Đến năm 2019, chị với anh Danh S tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có hai con chung tên Danh Gia H, sinh ngày 20/10/2016 và Danh Gia H1, sinh ngày 10/4/2020. Thời gian sau vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh Danh S rất độc đoán, tiền bạc do anh Danh S tự giữ, không cho vợ chi sài trong gia đình.

Vào ngày 20/8/2021, anh S đưa hai con về nhà cha mẹ ruột anh Danh S sống và vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay chị thấy vợ chồng không hiểu nhau, thường xuyên mâu thuẫn nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên không thể chung sống vợ chồng. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh Danh S nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Danh S.
- Về con chung: Chị đồng ý giao hai con chung tên Danh Gia H, sinh ngày 20/10/2016 và Danh Gia H1, sinh ngày 10/4/2020 cho anh Danh S tiếp tục nuôi dưỡng nhưng chị không cấp dưỡng nuôi con.
- Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Anh Danh S trình bày:

Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng (như: thông báo thụ lý, thông báo thời gian mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án) cho bị đơn anh Danh S, nhưng bị đơn anh Danh S không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến theo yêu cầu của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn chị Thị Chành Đ có ý kiến giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn và nuôi con chung với bị đơn anh Danh S. Về chia tài sản, nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Danh S vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng (như: thông báo thụ lý, thông báo thời gian mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án) trực tiếp cho bị đơn anh Danh S nhưng bị đơn anh Danh S vắng mặt, không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Danh S.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị Chành Đ thì quan hệ pháp luật được xác định là: “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Danh S có địa chỉ cư trú tại xã K, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

[3]. Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa chị Thị Chành Đ và anh Danh S đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Sơn Kiên, huyện H cấp chứng nhận kết hôn số 10 ngày 22/01/2019 nên căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa chị Thị Chành Đ và anh Danh S là hợp pháp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Thị Chành Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn và nuôi con chung với anh Danh S. Chị Thị Chành Đ xác định, chị không còn tình cảm với anh Danh S, giữa vợ chồng không yêu thương, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và anh chị đã ly thân từ tháng 08/2021 cho đến nay. Vì vậy, chị Đ nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong khi đó, anh Danh S mặc dù đã được Tòa án trực tiếp thông báo về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của chị Thị Chành Đ; thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử. Tuy nhiên, anh Danh S không có mặt, không ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Thị Chành Đ. Điều này cho thấy, anh Danh S không quan tâm và không mong muốn hòa giải về quan hệ hôn nhân với chị Thị Chành Đ nên vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Cho nên, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

thì yêu cầu xin ly hôn của chị Thị Chành Đ là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4]. Về quan hệ con chung: Chị Thị Chành Đ và anh Danh S có hai con chung tên Danh Gia H, sinh ngày 20/10/2016 và Danh Gia H1, sinh ngày 10/4/2020. Hiện nay, hai con chung Danh Gia H, Danh Gia H1 Đng do anh Danh S trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị Thị Chành Đ tự nguyện giao hai con chung Danh Gia H, Danh Gia H1 cho anh Danh S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Thị Chành Đ không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Danh S là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng không yêu cầu chị Thị Chành Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thị Chành Đ và anh Danh S không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Thị Chành Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thị Chành Đ được ly hôn với anh Danh S.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Thị Chành Đ giao hai con chung tên Danh Gia H, sinh ngày 20/10/2016 và Danh Gia H1, sinh

ngày 10/4/2020 cho anh Danh S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chị Thị Chành Đ không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Thị Chành Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản chị thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Thị Chành Đ, anh Danh S không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về chia tài sản, nợ chung: Chị Thị Chành Đ và anh Danh S không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Thị Chành Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị Thị Chành Đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008185 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

6. Quyền kháng cáo: Chị Thị Chành Đ được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng anh Danh S vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện H;
- Cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Quỳnh

